

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

● TS. BÙI THẾ ĐỨC

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương

Phát triển và hội nhập sâu rộng với thế giới, Việt Nam có nhiều cơ hội nhưng cũng phải đối mặt với không ít những thách thức. Tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước, đi kèm với đó là tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Rút kinh nghiệm của các nước đi trước, từ bài học thực tiễn của Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức rất sớm ý nghĩa, tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững đất nước, đã kịp thời ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo vệ môi trường; đồng thời các cấp ủy đảng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước.

Quan điểm nhất quán xuyên suốt trong các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về bảo vệ môi trường đó là: “Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta” và “đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững”.

Tại Đại hội IX, việc xây dựng cơ sở khoa học cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai được giao trách nhiệm cho ngành khoa học tự

nhiên và chính sách bảo vệ môi trường được gắn với các chính sách xã hội khác. Đến Đại hội X, lần đầu tiên trong báo cáo về “*Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010*” trình Đại hội đưa ra chỉ tiêu về môi trường (độ che phủ rừng; tỷ lệ dân cư được dùng nước sạch; chỉ tiêu về xử lý chất thải và “*tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên*” được xác định là một trong sáu nhiệm vụ thuộc “*định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và vùng*”). Tiếp đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng một lần nữa thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường: “*Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững*”.

Đại hội lần thứ XI của Đảng đã đề ra: “*Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai*” thành một định hướng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, là một trong những nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch 5 năm 2011-2015 gắn với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức.

Các văn kiện quan trọng của Đảng gồm: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011); *Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020...* đã đề ra những phương hướng, mục tiêu cụ thể mà Việt Nam cần đạt được đến năm 2020. So với *Cương lĩnh* năm 1991, *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) có rất nhiều điểm mới và đã chỉ rõ định hướng về bảo vệ môi trường. Nếu như, *Cương lĩnh* năm 1991 mới chỉ xác định “*Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau*”, *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ những nội dung sau: “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đề ra 5 quan điểm phát triển, trong đó, quan điểm quan trọng nhất là: “*Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược*”.

Để cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương trên, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15-11-2004 “*Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước*”. Nghị quyết khẳng định: “*Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững*”.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 41, ngày 21-1-2009 Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị 29-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW. Chỉ thị 29-CT/TW yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện triệt để các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 41-NQ/TW, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bảo vệ môi trường. Chỉ thị một lần nữa nhấn mạnh một số nhiệm vụ quan trọng cần tập trung thực hiện, trong đó có nhiệm vụ: “*Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...*”; “*Quy định các chế tài xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường...* Không phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư tiềm ẩn nguy cơ cao đối với môi trường. Không đưa vào vận hành, sử dụng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu đô thị, công trình, cơ sở y tế, cơ sở sản xuất mới không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường”.

Đặc biệt là, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã ban hành Nghị quyết 24-NQ/TW về “*Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”. Nghị quyết đưa ra những mục tiêu rất cụ thể về bảo vệ môi trường: “*Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 70% lượng nước thải ra môi trường lưu vực các sông được xử lý; tiêu huỷ, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt. Phấn đấu 95% dân cư thành thị và 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Kiểm soát an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn. Quản lý khai thác hợp lý, sớm chấm dứt khai thác rừng tự nhiên, nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên lên trên 3 triệu ha; nâng độ che phủ của rừng lên trên 45%*”.

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “*Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, các ban, bộ, ngành và các địa phương đang tiến hành tổng kết và đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW và 2 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW. Qua quá trình khảo sát thực tế, làm việc với nhiều bộ, ngành và địa phương trong cả nước, cùng với việc tổng hợp báo cáo của 61/63 báo cáo của các địa phương và 18 báo cáo của các bộ, ngành, 12 báo cáo của tập đoàn, tổng công ty, các tổ chức đoàn thể gửi về cho thấy:

Đến nay, 100% các tỉnh, thành phố đã tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết. Ở các cấp tỉnh và huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt các cấp, đội ngũ đảng viên, công chức, viên chức và các tổ chức đoàn thể cũng như toàn thể nhân dân.

Hầu hết các bộ, ngành đã tổ chức học tập, quán triệt, triển khai nghiêm túc các nội dung của Nghị quyết 41-NQ/TW tới toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức của ngành với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; với tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ tham gia học tập quán triệt đạt tỷ lệ cao. Các nội dung của Nghị quyết từng bước được cụ thể hoá và đi vào cuộc sống, thiết thực góp phần bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Các tỉnh ủy, thành ủy đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết. *Cụ thể* là đã ban hành 19 nghị quyết, 25 chỉ thị, 30 chương trình hành động, 33 kế hoạch hành động, 3 thông tri, 6 kết luận. Ban Tuyên giáo một số tỉnh ủy, thành ủy cũng đã ban hành hướng dẫn việc triển khai, thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW, Chỉ thị

29-CT/TW và các nghị quyết, chỉ thị của tỉnh ủy, thành ủy. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động của tỉnh ủy, ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố đã ban hành 80 chỉ thị, 790 quyết định, 145 kế hoạch và chương trình hành động, 94 nghị quyết của hội đồng nhân dân về xây dựng kế hoạch, nội dung bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân nhiều tỉnh, thành phố ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chuyên đề về các vấn đề môi trường cụ thể như đất, nước, không khí; quy định về các khoản phí, lệ phí, thu gom quản lý chất thải rắn; vấn đề môi trường đô thị, nông thôn, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; đa dạng sinh học, an toàn sinh học, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của địa phương nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW và Nghị quyết 24-NQ/TW. Đồng thời ban hành rất nhiều các quyết định liên quan đến các vấn đề về bảo vệ môi trường.

Cấp huyện tại nhiều tỉnh, thành phố cũng đã ban hành nhiều văn bản, các nghị quyết, chỉ thị, xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW và các nghị quyết, chỉ thị,... chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy. Có những tỉnh, thành phố có 100% huyện, thị, thành phố đã xây dựng nghị quyết chuyên đề, chỉ thị về lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường, chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW.

Cấp xã, phường, thị trấn cũng ban hành nghị quyết của hội đồng nhân dân và có các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể về bảo vệ môi trường.

Hầu hết các bộ, ngành trong chức năng quản lý ngành của mình đã thể chế hóa Nghị quyết 41-NQ/TW bằng việc ban hành rất nhiều chính sách, quyết định, quy định, đồng thời phối hợp với các bộ, ngành có liên quan khác tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ trong việc thể chế hóa nội dung của Nghị quyết 41-NQ/TW thành

những quy định của pháp luật để triển khai thực hiện. Các tập đoàn, tổng công ty cũng đã ban hành các quy định, quy chế liên quan đến bảo vệ môi trường gắn liền với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của ngành mình, như: Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Nhìn chung, 10 năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW một cách thường xuyên, sâu sát và kịp thời. Hệ thống văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện nghị quyết được ban hành khá đầy đủ, bao quát, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ môi trường trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, với sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, công tác bảo vệ môi trường của chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ: hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện, đang ngày càng phát huy hiệu lực trong các hoạt động quản lý bảo vệ môi trường. Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng, với quan điểm “đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển”... Đặc biệt, công tác kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải ngày càng được quan tâm và có những chuyển biến nhất định; công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường đã bước đầu đi vào nền nếp, đóng góp vai trò quan trọng trong phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường. Hầu hết các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chiến lược, quy hoạch phát triển của một số ngành thông qua công tác đánh giá môi trường chiến lược đã được lồng ghép các

nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường. Công tác kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của các dự án sau khi phê duyệt báo cáo tác động môi trường cũng đã được quan tâm đẩy mạnh.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ môi trường ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng, đe dọa trực tiếp đến sức khỏe của nhân dân. Tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn đang diễn ra phức tạp ở các lĩnh vực bảo vệ rừng, buôn bán động vật hoang dã, khai thác khoáng sản, cát sỏi lòng sông, an toàn thực phẩm..., gây bức xúc dư luận xã hội; việc khắc phục hậu quả về ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại còn nhiều khó khăn; đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng. Công tác bảo vệ môi trường khu công nghiệp về tổng thể chưa đáp ứng được các yêu cầu bảo vệ môi trường. Nhiều hậu quả nghiêm trọng về môi trường, tự nhiên và kinh tế - xã hội đã xảy ra do các yêu cầu về đánh giá tác động môi trường bị bỏ qua hoặc không được thực hiện nghiêm. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về môi trường chưa đồng bộ, việc ban hành văn bản về bảo vệ môi trường, văn bản hướng dẫn dưới luật đôi lúc còn chậm, một số nội dung còn bất cập khó thực hiện hoặc thực hiện hiệu quả chưa cao. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp được củng cố kiện toàn nhưng chất lượng hoạt động còn hạn chế. Cấp xã, phường chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường, phần lớn là kiêm nhiệm, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn. Nhiều khu, cụm công nghiệp chưa bố trí được cán bộ chuyên trách về môi trường. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường (1%) còn thấp; bên cạnh đó lại bố trí chưa đúng mục đích, sử dụng chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay.

Những hạn chế, yếu kém trong công tác bảo vệ môi trường thời gian qua do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đó là ý thức bảo vệ môi trường của người dân chưa thực sự trở thành thói quen, nếp sống hàng ngày, vẫn còn hành vi xả thải, gây ô nhiễm môi trường nơi công cộng. Một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, chưa thấy hết được vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền đối với công tác bảo vệ môi trường chưa thường xuyên, chưa đầy đủ và toàn diện. Sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, chính sách về môi trường còn chưa tích cực và hiệu quả; còn tư tưởng coi nhẹ vấn đề bảo vệ môi trường trong khi ban hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội; việc rà soát, lồng ghép vấn đề môi trường trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ thực hiện chưa tốt, việc áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường chưa được thực hiện có hiệu quả. Thiếu cơ chế, chính sách huy động

sự tham gia và đóng góp của cộng đồng cũng như toàn xã hội vào công tác bảo vệ môi trường.

Quán triệt quan điểm bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước giai đoạn 2016-2020, các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chính sau đây:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác truyền truyền, giáo dục, quán triệt, triển khai sâu rộng các nội dung bảo vệ môi trường trong văn kiện Đại hội XII của Đảng, các quan điểm chỉ đạo, nội dung của các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, như: *Chiến lược tăng trưởng xanh, Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, Chiến lược bảo vệ môi trường giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*. Quán triệt mục tiêu kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường...; đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”; đồng thời tuyên truyền thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường 2014... nhằm



Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp

tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đổi mới nội dung và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền bảo vệ môi trường. Xây dựng và đào tạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của cấp ủy, thường xuyên được củng cố, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, chú trọng đổi mới cách truyền đạt, phổ biến, như: chọn trọng tâm, tổ chức sinh hoạt chuyên đề, phân công đảng viên giới thiệu các bài viết trên *Sổ tay Xây dựng Đảng, Tạp chí Tuyên giáo*, thông tin tuyên truyền trực tiếp giới thiệu nghị quyết, chỉ thị về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường. Căn cứ trên những định hướng lớn về bảo vệ môi trường trong Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng, các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị. Chú trọng nội dung bảo vệ môi trường ngay từ khâu ban hành các chính sách; thực hiện nghiêm việc lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong các quy hoạch, kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị trong giai đoạn 2016-2021.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường; tăng cường phòng ngừa và kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Ban hành các cơ chế, chính sách đẩy mạnh thực hiện việc áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường; thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ môi trường, phát triển ngành công nghiệp môi trường thành ngành có đóng góp quan trọng trong cơ cấu phát triển công nghiệp Việt Nam; phát triển các doanh nghiệp công nghiệp môi trường, tổ chức nghiên cứu, chuyển

giao và ứng dụng công nghệ cao về môi trường có khả năng giải quyết hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên. Cần chú trọng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Thứ ba, đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. Tăng tỷ lệ bố trí ngân sách sự nghiệp môi trường cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong tình hình mới. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách huy động sự đóng góp và đầu tư kinh phí bảo vệ môi trường từ các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

Thứ tư, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong giải quyết các vấn đề môi trường. Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường; phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, kịp thời chỉ đạo các giải pháp để tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường của các địa phương, đơn vị. Các bộ, ngành trong chức năng quản lý ngành của mình có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường cần kịp thời cung cấp các thông tin về các vụ việc có xung đột về vấn đề môi trường, cùng phối hợp kịp thời chỉ đạo và định hướng tuyên truyền trước, trong và sau các sự việc để góp phần giải quyết và hạn chế những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

Thứ năm, trên cơ sở đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW và hai năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW, đồng thời để cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng trong Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, tham mưu và kiến nghị với Ban Bí thư ban hành một Nghị quyết chuyên đề về “*Tăng cường bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đất nước*” nhằm thực hiện định hướng đã đề ra về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đất nước ★